

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	656	158	168	183	147
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	532 81,1%	130 82,28%	144 85,71%	144 78,69%	114 77,55%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	116 17,68%	24 15,19%	24 14,29%	35 19,13%	33 22,45%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7 1,07%	3 1,9%	0	4 2,19%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,15%	1 0,63%	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	96 14,63%	27 17,09%	29 17,26%	28 15,3%	12 8,16%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	145 22,1%	38 24,05%	38 22,62%	33 18,03%	36 24,49%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	146 22,26%	32 20,25%	40 23,81%	30 16,39%	44 29,93%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	12 1,83%	3 1,9%	5 2,98%	4 2,19%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	644 98,17%	155 98,1%	163 97,02%	179 97,81%	147 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	96 14,63%	27 17,09%	29 17,26%	28 15,3%	12 8,16%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	145 22,1%	38 24,05%	38 22,62%	33 18,03%	36 24,49%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	12 1,83%	3 1,9%	5 2,98%	4 2,19%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10/26	2/3	4/10	3/8	1/5
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	15	0	2	2	11
2	Cấp tỉnh/thành phố	10	0		3	7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					147 100%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	96 14,63%	27 17,09%	29 17,26%	28 15,3%	12 8,16%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	145 22,1%	38 24,05%	38 22,62%	33 18,03%	36 24,49%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	12 1,83%	3 1,9%	5 2,98%	4 2,19%	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	354/302	93/65	96/72	92/91	73/74
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	58	14	15	15	14

Quận 3, ngày 08 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG